

## Bài 36

# VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

## I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

### 1. Về kiến thức

– Hiểu được Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng lãnh thổ tương đối giàu tài nguyên thiên nhiên, có khả năng phát triển nền kinh tế nhiều ngành, nhưng sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng gặp khó khăn do thiên tai và hậu quả nặng nề do chiến tranh.

– Biết được thực trạng và triển vọng phát triển tổng hợp kinh tế biển, sự phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng của vùng.

– Hiểu được trong những năm tới, với sự phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng, với sự khai thác tốt hơn kinh tế biển, hình thành nền kinh tế mở, kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ sẽ có bước phát triển đột phá.

### 2. Về kĩ năng

Phân tích các bản đồ tự nhiên, kinh tế, đọc Atlat Địa lí Việt Nam.

## II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ Kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Bản đồ Kinh tế chung Việt Nam.
- Atlat Địa lí Việt Nam.
- Một số hình ảnh, video clip về tình hình phát triển kinh tế – xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

## III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Trong Mục 1 – Khái quát chung, nêu tóm tắt các đặc điểm thế mạnh và hạn chế của Duyên hải Nam Trung Bộ, cả về tự nhiên và kinh tế – xã hội. Cần đặc biệt nhấn mạnh thế mạnh về kinh tế biển của vùng.

Khi giảng về đặc điểm tự nhiên của vùng, cần lưu ý đến đặc điểm lãnh thổ hẹp ngang, đặc điểm khí hậu Đông Trường Sơn có mùa mưa về thu đông và mùa khô khá dài. Về tài nguyên rừng của vùng, có thể thấy thêm qua bảng số liệu dưới đây.

**Bảng 36.1. CƠ CẤU RỪNG PHÂN THEO CÔNG DỤNG Ở VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

(Theo Cục Kiểm lâm Việt Nam, tính đến 31-12-2006)

(Đơn vị : %)

Cơ cấu (%)	Năm 2006
Tổng số	100,0
Rừng phòng hộ	11,9
Rừng đặc dụng	54,3
Rừng sản xuất	33,8

**2.** Nếu nhìn toàn dải Duyên hải miền Trung, thì đều thấy được vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp.

**Bảng 36.2. MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, NĂM 2005**

Địa phương	Đàn lợn (nghìn con)	Sản lượng lương thực bình quân người (kg)	Sản lượng thủy sản bình quân người (kg)
Cả nước	27435,0	476,8	41,7
Duyên hải Nam Trung Bộ	2613,3	279,8	47,3
Đà Nẵng	94,9	59,2	52,2
Quảng Nam	576,5	280,7	36,4
Quảng Ngãi	576,6	326,1	71,9
Bình Định	659,4	360,2	70,9
Phú Yên	197,0	381,3	44,8
Khánh Hoà	138,5	131,8	71,7
Ninh Thuận	102,0	208,4	99,6
Bình Thuận	268,4	370,8	133,2

Tuy nhiên, ở Duyên hải Nam Trung Bộ, nổi lên vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển, nhất là trong những năm gần đây, thế mạnh này đã phát huy tác dụng rõ rệt.

Trước hết, có thể thấy vai trò của nghề khai thác cá biển trong nền kinh tế của vùng trong việc giải quyết vấn đề thực phẩm và tạo ra nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.

Sự phát triển tổng hợp kinh tế biển thể hiện ở tất cả các tỉnh, nhưng có lẽ tiêu biểu hơn cả là tỉnh Khánh Hoà. Trên một dải ven biển rất hẹp, trải dài theo đường chim bay chiều Bắc – Nam, chỉ khoảng 120 km có đến 3 vị trí để phát triển cảng nước sâu là vịnh Vân Phong, vịnh Nha Trang và vịnh Cam Ranh. Khánh Hoà cũng là nơi có du lịch biển – đảo rất phát triển, có vịnh Nha Trang được xếp trong danh sách 30 vịnh biển đẹp nhất thế giới. Vùng biển Khánh Hoà giàu nguồn lợi hải sản, và đây còn là tỉnh nổi tiếng về nuôi tôm hùm. GV nên tham khảo trang Web của báo Khánh Hoà, địa chỉ :

<http://www.baokhanhhoa.com.vn/> và trang Web SaigonNet, phần giới thiệu về các tỉnh của nước ta. Địa chỉ: <http://www.saigonnet.vn/dulich/dlvietnam.htm>.

**3.** Về vấn đề hình thành cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng, GV cần theo dõi các thông tin mới nhất để cập nhật, vì đây là vùng đang có rất nhiều chuyển biến.

*Bảng 36.3. MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ CÔNG NGHIỆP CỦA  
DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ  
(GIÁ SO SÁNH 1994)*

Năm	Giá trị sản xuất công nghiệp		Giá trị sản xuất công nghiệp có đầu tư nước ngoài		
	Tỉ trọng của vùng trong cả nước (%)	Tăng trưởng (năm 1995 = 100%)	Tỉ trọng của vùng trong cả nước (%)	Tăng trưởng (năm 1995 = 100%)	Tỉ trọng trong cơ cấu công nghiệp của vùng (%)
1995	5,4	100,0	1,6	100,0	7,6
1996	5,3	113,5	1,3	97,3	6,5
1997	5,4	131,4	1,5	133,4	7,7
1998	5,3	145,2	1,4	161,8	8,5
1999	5,3	162,2	1,6	221,2	10,4
2000	5,5	195,0	1,8	295,3	11,5
2001	5,6	227,1	2,0	371,4	12,5
2002	5,6	263,9	2,1	469,2	13,5
2003	5,7	310,4	2,2	570,2	14,0
2004	5,8	369,2	2,1	648,2	13,4
2005	5,8	433,1	2,2	793,7	14,0

*Nguồn : Niên giám thống kê 2003, 2006.*

Qua bảng số liệu có thể thấy :

– Duyên hải Nam Trung Bộ có tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu công nghiệp cả nước (năm 1995), nhưng tỉ trọng này đang tăng lên, nhờ tốc độ phát triển công nghiệp khá cao.

– Khu vực có đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng khá, phát huy tác dụng tích cực đối với sự phát triển công nghiệp của vùng và chiếm tỉ trọng đáng kể trong cơ cấu công nghiệp của vùng.

#### **IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.** GV cho HS xác định trên bản đồ Hành chính Việt Nam và bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Nếu như toàn dải Duyên hải miền Trung là cầu nối giữa hai cực phát triển của đất nước là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, thì Duyên hải Nam Trung Bộ kế liền Đông Nam Bộ, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Đông Nam Bộ trong quá trình phát triển. GV cho HS thấy Duyên hải Nam Trung Bộ có rất nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nền kinh tế mở, với các cảng nước sâu, kín gió, sân bay quốc tế Đà Nẵng và các tuyến đường bộ chạy theo hướng đông – tây, mở mối giao lưu với Tây Nguyên và xa hơn tới Campuchia và Thái Lan.

**2.** GV cho HS khám phá các bản đồ trong Atlas Địa lí Việt Nam hoặc khai thác nội dung bản đồ trong SGK, lập bảng tóm tắt để nêu bật vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ, các triển vọng và các vấn đề cần giải quyết.

**3.** GV có thể cho HS khai thác bảng số liệu 36.2 (SGV), và đặt câu hỏi (tương tự câu hỏi 2 ở cuối bài) : Kết hợp bảng số liệu và kiến thức trong SGK, hãy nêu thực trạng vấn đề lương thực, thực phẩm ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Vấn đề này cần được giải quyết bằng cách nào ?

Vấn đề lương thực, thực phẩm của vùng cần được giải quyết theo cách sau :

– Đẩy mạnh thâm canh lúa, xác định cơ cấu sản xuất theo lãnh thổ và cơ cấu mùa vụ thích hợp để vừa đảm bảo được sản xuất vừa tránh được thiên tai.

– Đẩy mạnh trao đổi các sản phẩm mà vùng có thế mạnh để đổi lấy lương thực từ các vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

– Tăng thêm khẩu phần cá và các thủy sản khác trong cơ cấu bữa ăn.

**4.** Giảng mục 3 về vấn đề phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng, GV cho HS đọc bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, Hình 36 trong SGK hoặc các bản đồ trong Atlas Địa lí Việt Nam để xác định ở Duyên hải Nam Trung Bộ :

- Các nguồn tài nguyên để phát triển công nghiệp.
- Các tuyến đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay...
- Các trung tâm công nghiệp chủ yếu của vùng.

HS cần trả lời được các câu hỏi : 1. Việc tăng cường cơ sở năng lượng của vùng có ý nghĩa như thế nào và vấn đề này cần được giải quyết bằng cách nào ?  
2. Tương tự câu hỏi như trên đối với vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

GV cho HS phân tích bảng số liệu 36.3 (SGV) cũng như các thông tin mới nhất về sự phát triển công nghiệp của vùng.

GV lưu ý HS rằng việc hiện đại hoá và phát triển các tuyến giao thông Bắc – Nam (quốc lộ 1, đường sắt Thống Nhất, dự án đường Hồ Chí Minh) và các tuyến đường lên Tây Nguyên, đi đôi với việc mở các cảng biển, tạo thế mở cửa nền kinh tế và làm thay đổi quan trọng sự phân công lao động theo lãnh thổ.